TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH
HỘI ĐỒNG THI - XÉT TỐT NGHIỆP SAU ĐẠI HỌC 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP II NĂM 2024

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM		GHI CHÚ
							LTTN	THTN	
		1. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			**29**				
1	1	22.02.01.0001	Trương Thị Phi	Anh	Nữ	05/12/1981	9.5	8.5	
2	2	22.02.01.0004	Phạm Lê Diễm	Chi	Nữ	19/05/1989	9.0	8.5	
3	3	22.02.01.0005	Hồ Quốc	Cường	Nam	03/06/1984	9.0	8.5	
4	4	22.02.01.0006	Huỳnh Nguyễn Công	Danh	Nam	26/12/1992	9.0	8.5	
5	5	22.02.01.0007	Đặng Thị	Diễm	Nữ	06/01/1978	9.0	8.5	
6	6	22.02.01.0008	Trần Thị	Diệu	Nữ	25/12/1990	9.0	8.5	
7	7	22.02.01.0009	Võ	Duy	Nam	02/01/1987	8.5	8.5	
8	8	22.02.01.0011	Hồ Công	Định	Nam	19/01/1989	7.0	7.0	
9	9	22.02.01.0012	Trần Minh	Hiền	Nam	25/03/1988	7.5	8.0	
10	10	22.02.01.0013	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	16/04/1989	8.5	8.5	
11	11	22.02.01.0014	Mai Lê Thiên	Hương	Nữ	10/07/1976	9.0	8.5	
12	12	22.02.01.0015	Ngô Thị Thu	Hương	Nữ	14/09/1977	9.0	8.5	
13	13	22.02.01.0017	Nguyễn Xuân	Lan	Nữ	01/08/1982	8.5	8.5	
14	14	22.02.01.0019	Từ Thị Thùy	Linh	Nữ	30/04/1974	7.0	8.0	
15	15	22.02.01.0020	Lê Minh	Lý	Nam	07/11/1984	8.5	8.5	
16	16	22.02.01.0021	Nguyễn Thị Hồng	Lý	Nữ	18/01/1988	8.5	8.0	
17	17	22.02.01.0022	Tôn Nữ Trà	My	Nữ	15/12/1985	9.0	9.0	
18	18	22.02.01.0023	Huỳnh	Tế	Nam	17/11/1969	9.5	8.5	
19	19	22.02.01.0024	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	29/10/1986	9.0	8.0	
20	20	22.02.01.0025	Trịnh Đình Phương	Thảo	Nữ	18/06/1982	6.5	8.5	
21	21	22.02.01.0026	Trịnh Phồn	Thịnh	Nam	23/01/1978	9.0	9.5	
22	22	22.02.01.0027	Trần Ngọc	Tiến	Nam	10/07/1983	8.0	8.0	
23	23	22.02.01.0028	Phạm Thành	Trung	Nam	20/06/1977	6.5	7.5	
24	24	22.02.01.0029	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	16/12/1989	9.5	8.5	
25	25	22.02.01.0031	Lê Minh	Tuấn	Nam	13/07/1985	8.5	8.5	
26	26	22.02.01.0032	Lâm Bích	Tuyền	Nữ	19/10/1989	9.0	8.5	
27	27	22.02.01.0033	Phạm Thanh	Tùng	Nam	28/07/1989	9.5	9.0	
28	28	22.02.01.0034	Âu Dương Mỹ	Vân	Nữ	08/01/1977	9.5	8.5	
29	29	22.02.01.0035	Trương Ngọc	Vân	Nữ	02/10/1992	8.5	8.0	
		2. CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH			**13**				
30	1	22.02.02.0037	Lâm Minh	Chính	Nam	30/01/1978	6.0	8.0	
31	2	22.02.02.0040	Lê Trọng	Hải	Nam	21/07/1990	8.0	8.5	
32	3	22.02.02.0041	Huỳnh Phước	Hậu	Nam	16/06/1986	5.0	7.5	
33	4	22.02.02.0042	Trịnh	Kiên	Nam	27/08/1987	6.0	8.0	
34	5	22.02.02.0045	Ngô Thanh	Long	Nam	20/09/1987	6.0	8.0	
35	6	22.02.02.0046	Đinh Ngọc	Minh	Nam	08/06/1982	8.0	8.0	
36	7	22.02.02.0047	Đặng Khải	Minh	Nam	20/01/1982	7.0	8.0	

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM		GHI CHÚ
							LTTN	THTN	
37	8	22.02.02.0049	Triệu Quốc	Ngọc	Nam	01/01/1983	9.0	7.5	
38	9	22.02.02.0051	Trần Văn	Phong	Nam	29/06/1979	7.0	8.0	
39	10	22.02.02.0052	Lê Xuân	Sơn	Nam	11/12/1987	7.5	7.5	
40	11	22.02.02.0054	Nguyễn Duy	Toàn	Nam	09/06/1989	8.0	7.5	
41	12	22.02.02.0057	Hà Đức	Tuấn	Nam	17/10/1986	7.0	8.0	
42	13	22.02.02.0058	Ngô Hoàng	Viễn	Nam	20/07/1986	7.0	7.5	
		3. DA LIỄU			**6**				
43	1	22.02.03.0060	Nguyễn Thị Minh	Anh	Nữ	24/06/1985	7.0	8.5	
44	2	22.02.03.0061	Lê Thảo	Hiền	Nữ	01/10/1988	7.5	9.0	
45	3	22.02.03.0062	Nguyễn Tầm	Hoan	Nam	28/10/1986	9.0	9.0	
46	4	22.02.03.0063	Trương Chí	Long	Nam	27/03/1978	5.0	8.0	
47	5	22.02.03.0065	Đặng Thu	Trâm	Nữ	04/08/1992	8.5	8.5	
48	6	22.02.03.0066	Tăng Khả	Tú	Nữ	26/05/1992	9.5	8.0	
		4. NGOẠI LỒNG NGỰC			**6**				
49	1	22.02.33.0001	Phan Sĩ	Hiệp	Nam	18/04/1982	7.0	9.5	
50	2	22.02.33.0002	Ngô Bảo	Khoa	Nam	16/04/1980	7.0	9.0	
51	3	22.02.33.0003	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	04/02/1988	7.0	9.0	
52	4	22.02.33.0004	Nguyễn Công	Tiến	Nam	03/07/1986	7.5	9.0	
53	5	22.02.33.0005	Nguyễn Anh	Trung	Nam	13/08/1981	7.0	9.0	
54	6	22.02.33.0006	Nguyễn Võ Anh	Tú	Nam	21/10/1991	7.5	9.0	
		5. NGOẠI TIẾT NIỆU			**9**				
55	1	22.02.34.0007	Trịnh Nguyên	Bách	Nam	21/04/1990	7.5	8.0	
56	2	22.02.34.0010	Lê Văn	Hoàn	Nam	20/10/1987	6.0	8.0	
57	3	22.02.34.0011	Lê Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	26/05/1985	8.0	8.0	
58	4	22.02.34.0012	Trần Trọng	Huân	Nam	08/10/1991	6.5	9.0	
59	5	22.02.34.0013	Phan Mạnh	Linh	Nam	31/12/1990	8.0	9.0	
60	6	22.02.34.0014	Lê Trọng Thiên	Long	Nam	18/12/1992	10.0	9.0	
61	7	22.02.34.0017	Trần Văn	Quốc	Nam	15/06/1977	6.0	7.0	
62	8	22.02.34.0018	Phan Thành	Thống	Nam	20/01/1991	9.0	7.0	
63	9	22.02.34.0019	Chung Tấn	Tinh	Nam	22/02/1987	9.0	8.5	
		6. NGOẠI TỔNG QUÁT			**8**				
64	1	22.02.12.0131	Nguyễn Trung	Đương	Nam	23/03/1992	7.0	9.0	
65	2	22.02.12.0132	Trần Thanh	Hiền	Nam	16/07/1984	8.0	7.5	
66	3	22.02.12.0133	Nguyễn Xuân	Hòa	Nam	18/04/1985	7.5	8.5	
67	4	22.02.12.0134	Phan Lương	Huy	Nam	14/09/1979	8.0	8.0	
68	5	22.02.12.0135	Phạm Việt	Khương	Nam	16/02/1988	6.5	8.0	
69	6	22.02.12.0136	Trần Đức	Lợi	Nam	08/12/1990	7.0	9.0	
70	7	22.02.12.0137	Trần Xuân	Tiềm	Nam	10/03/1991	8.5	8.0	
71	8	22.02.12.0138	Nguyễn Khánh	Vân	Nam	14/04/1969	7.5	8.0	
		7. NHÃN KHOA			**2**				
72	1	22.02.08.0067	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	22/05/1987	8.5	8.5	
73	2	22.02.08.0068	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	Nữ	01/01/1989	8.5	8.5	
		8. NHI KHOA			**7**				

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM		GHI CHÚ
							LTTN	THTN	
74	1	22.02.09.0071	Lê Ngọc	Lâm	Nam	02/04/1980	7.0	7.5	
75	2	22.02.09.0072	Nguyễn Kim	Loan	Nữ	12/09/1989	7.5	8.5	
76	3	22.02.09.0074	Hồ Thanh	Phương	Nữ	15/05/1991	8.5	9.0	
77	4	22.02.09.0075	Phạm Thị Lan	Phương	Nữ	21/09/1989	8.0	9.5	
78	5	22.02.09.0076	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	18/09/1991	7.5	9.0	
79	6	22.02.09.0077	Ngô Thị Ngọc	Thúy	Nữ	15/06/1984	9.0	9.5	
80	7	22.02.09.0079	Đoàn Thị Thanh	Trúc	Nữ	15/11/1985	8.5	8.0	
		9. NỘI TỔNG QUÁT			**24**				
81	1	22.02.10.0081	Nguyễn Thị Thuý	An	Nữ	03/07/1984	6.5	5.5	
82	2	22.02.10.0082	Trần Thị Thu	Cúc	Nữ	06/10/1989	6.5	6.5	
83	3	22.02.10.0085	Nguyễn Võ Mỹ	Hạnh	Nữ	13/11/1991	5.5	6.0	
84	4	22.02.10.0086	Đào Thanh	Hiệp	Nam	15/08/1988	7.0	6.0	
85	5	22.02.10.0089	Nguyễn Thị Kim	Hường	Nữ	02/12/1983	7.5	5.5	
86	6	22.02.10.0090	Lê Như Thuỵ	Khanh	Nữ	31/01/1992	5.5	5.5	
87	7	22.02.10.0091	Đồng Thị Thùy	Linh	Nữ	19/05/1987	5.5	5.0	
88	8	22.02.10.0094	Lê Thị Nguyệt	Minh	Nữ	18/12/1983	6.0	5.0	
89	9	22.02.10.0096	Sy Quốc	Nhân	Nam	21/01/1982	6.0	5.5	
90	10	22.02.10.0097	Huỳnh Thị	Nhung	Nữ	20/02/1988	5.5	6.0	
91	11	22.02.10.0098	Phạm Kim Hồng	Phúc	Nữ	19/04/1990	6.5	5.5	
92	12	22.02.10.0101	Huỳnh Bảo	Quốc	Nam	01/01/1983	**4.0**	5.0	
93	13	22.02.10.0103	Nguyễn	Quý	Nam	31/07/1985	5.5	5.5	
94	14	22.02.10.0104	Trần Văn	Sỹ	Nam	19/10/1991	**4.0**	5.5	
95	15	22.02.10.0105	Tạ Khánh	Tâm	Nữ	20/07/1991	6.0	6.0	
96	16	22.02.10.0106	Dương Hoàng	Thái	Nam	15/05/1983	**4.0**	5.5	
97	17	22.02.10.0108	Trương Vĩnh	Thái	Nam	04/09/1991	5.5	6.0	
98	18	22.02.10.0109	Hứa Trương	Thiện	Nam	01/01/1990	5.5	7.0	
99	19	22.02.10.0111	Đào Huy	Toàn	Nam	24/11/1981	5.0	5.0	
100	20	22.02.10.0112	Nguyễn Đức	Tới	Nam	15/09/1981	VẮNG	VẮNG	
101	21	22.02.10.0113	Nguyễn Ngọc	Trân	Nữ	17/11/1985	6.0	6.0	
102	22	22.02.10.0114	Nguyễn Đình	Tuyên	Nam	15/09/1987	**4.0**	5.0	
103	23	00.15.01.21.09	Phạm Lê	Nam	Nam	27/11/1986	6.0	6.0	LTTN NK 2021
104	24	00.15.01.21.17	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	18/02/1976	6.0	7.0	LTTN NK 2021
		10. NỘI TIM MẠCH			**19**				
105	1	22.02.11.0116	Đinh Thế	Anh	Nam	14/07/1992	8.0	6.0	
106	2	22.02.11.0117	Nguyễn Hùng	Anh	Nam	10/11/1980	6.0	5.5	
107	3	22.02.11.0118	Bùi	Ánh	Nam	15/04/1970	6.5	5.0	
108	4	22.02.11.0119	Trương Quốc	Cường	Nam	09/09/1984	6.5	5.5	
109	5	22.02.11.0120	Phạm Minh	Dân	Nam	02/01/1982	6.0	6.5	
110	6	22.02.11.0121	Võ Thái	Duy	Nam	21/05/1994	6.5	6.5	
111	7	22.02.11.0122	Mai Quốc	Dũng	Nam	05/09/1973	7.0	7.0	
112	8	22.02.11.0123	Đặng Duy	Gia	Nam	24/07/1990	6.5	6.0	
113	9	22.02.11.0124	Huỳnh Phú	Hưng	Nam	08/03/1982	5.0	5.0	

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM		GHI CHÚ
							LTTN	THTN	
114	10	22.02.11.0125	Nguyễn Đỗ Đăng	Khoa	Nam	02/08/1993	6.5	6.0	
115	11	22.02.11.0126	Nguyễn Hoàng Tài	My	Nam	18/12/1990	VẮNG	VẮNG	
116	12	22.02.11.0127	Nguyễn Hoàng	Phú	Nam	14/05/1984	6.5	5.5	
117	13	22.02.11.0128	Võ Anh	Tài	Nam	09/03/1991	5.5	5.5	
118	14	22.02.11.0129	Nguyễn Đức	Thành	Nam	09/10/1986	6.0	6.0	
119	15	22.02.11.0130	Huỳnh Văn	Toàn	Nam	04/01/1976	6.5	**4.0**	
120	16	00.15.19.21.09	Lâm Thanh	Phong	Nam	16/10/1976	6.5	5.5	LTTN NK 2021
121	17	00.15.19.21.11	Đinh Hoài	Thanh	Nam	16/09/1985	6.5	5.5	LTTN NK 2021
122	18	00.15.19.21.13	Vũ Văn Trường	Thắng	Nam	10/06/1982	7.0	6.0	LTTN NK 2021
123	19	00.15.19.21.15	Lê Anh	Tuấn	Nam	09/07/1983	6.5	6.5	LTTN NK 2021
		11. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ			**3**				
124	1	22.02.13.0140	Thân Văn	Hùng	Nam	19/11/1986	5.0	8.0	
125	2	22.02.13.0141	Ngô Hồng	Phúc	Nam	16/03/1964	8.0	8.0	
126	3	22.02.13.0142	Nguyễn Thanh	Sĩ	Nam	10/10/1989	8.5	8.0	
		12. QUẢN LÝ Y TẾ			**11**				
127	1	22.02.14.0143	Đặng Ngọc	Dũng	Nam	18/11/1970	9.5	8.5	
128	2	22.02.14.0144	Nguyễn Quỳnh Hồng	Đoan	Nam	17/09/1973	9.0	8.5	
129	3	22.02.14.0145	Phạm Hùng	Lân	Nam	03/04/1990	9.0	7.0	
130	4	22.02.14.0146	Hoàng Quốc	Nam	Nam	04/06/1975	9.5	8.5	
131	5	22.02.14.0147	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	Nữ	22/12/1982	9.5	8.5	
132	6	22.02.14.0149	Phạm Ngọc	Nhân	Nam	06/02/1971	9.5	8.5	
133	7	22.02.14.0150	Ngô Hồng	Phúc	Nam	12/12/1986	9.5	8.5	
134	8	22.02.14.0151	Nguyễn Đình	Qui	Nam	21/09/1983	9.5	9.0	
135	9	22.02.14.0152	Bùi Thị Kim	Thảo	Nữ	11/10/1986	9.5	8.5	
136	10	22.02.14.0155	Lê Điền	Trung	Nam	17/10/1977	10.0	8.0	
137	11	22.02.14.0156	Phạm Văn	Tung	Nam	03/02/1970	8.5	7.5	
		13. SẢN PHỤ KHOA			**16**				
138	1	22.02.15.0160	Lê Tấn	Cảnh	Nam	15/09/1977	6.0	7.0	
139	2	22.02.15.0161	Trần Thế	Lộc	Nam	21/08/1983	5.5	6.5	
140	3	22.02.15.0162	Trần Thị Kiều	My	Nữ	09/02/1993	7.0	6.5	
141	4	22.02.15.0163	Đỗ Thị Tuyết	Nga	Nữ	28/12/1980	7.0	7.0	
142	5	22.02.15.0164	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	07/12/1975	7.0	5.5	
143	6	22.02.15.0166	Đỗ Vạn	Sỹ	Nam	02/02/1979	7.0	7.0	
144	7	22.02.15.0167	Phạm Thị Mộng	Thơ	Nữ	09/01/1988	7.5	9.0	
145	8	22.02.15.0168	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	Nữ	23/02/1981	7.0	7.5	
146	9	22.02.15.0170	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	26/01/1993	5.5	7.0	
147	10	22.02.15.0171	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	Nữ	10/06/1976	7.0	8.0	
148	11	22.02.15.0172	Phạm Bảo	Trân	Nữ	01/03/1983	6.0	7.0	
149	12	22.02.15.0173	Hồ Bảo	Trân	Nữ	25/10/1984	7.5	7.0	
150	13	22.02.15.0174	Võ Nguyễn Kim	Tuyên	Nữ	23/06/1977	7.0	7.0	
151	14	22.02.15.0175	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	20/12/1976	7.5	7.5	

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM		GHI CHÚ
							LTTN	THTN	
152	15	22.02.15.0176	Lê Đàm	Vân	Nữ	02/04/1983	7.5	7.0	
153	16	22.02.15.0177	Phạm Mỹ Hoàng	Vân	Nữ	01/04/1984	6.5	7.5	
		14. TAI MŨI HỌNG			**7**				
154	1	22.02.16.0178	Hoàng Việt	Hà	Nữ	08/05/1978	8.5	7.0	
155	2	22.02.16.0179	Lê Huy	Hiếu	Nam	15/10/1991	7.5	7.5	
156	3	22.02.16.0180	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	18/04/1986	8.5	8.5	
157	4	22.02.16.0182	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	27/03/1988	8.0	8.5	
158	5	22.02.16.0183	Hoàng Thế	Toàn	Nam	11/08/1986	8.5	8.5	
159	6	22.02.16.0184	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	03/01/1990	7.5	7.0	
160	7	22.02.16.0185	Lý Phạm Hoàng	Xuân	Nữ	06/01/1988	9.0	9.5	
		15. THẦN KINH			**5**				
161	1	22.02.17.0187	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	Nữ	17/08/1983	8.0	9.0	
162	2	22.02.17.0188	Võ Thành	Nam	Nam	26/08/1991	7.0	9.0	
163	3	22.02.17.0190	Lê Thành	Nhân	Nữ	18/11/1979	9.0	7.0	
164	4	22.02.17.0191	Mã Lệ	Quân	Nữ	29/07/1978	8.5	8.0	
165	5	22.02.17.0192	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	28/11/1976	7.0	6.0	
		16. TRUYỀN MÁU - HUYẾT HỌC			**2**				
166	1	22.02.07.0193	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24/05/1987	7.0	8.5	
167	2	22.02.07.0194	Lê Thị Huyền	Trân	Nữ	02/10/1990	7.0	9.0	
		17. TRUYỀN NHIỄM			**3**				
168	1	22.02.19.0195	Nguyễn Bình	An	Nam	12/05/1986	8.0	7.5	
169	2	22.02.19.0196	Nguyễn Trọng	Chiến	Nam	09/11/1989	6.5	7.0	
170	3	22.02.19.0198	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	21/04/1988	6.5	6.5	
		18. UNG BƯỚU			**9**				
171	1	22.02.20.0199	Lê Hùng	Khương	Nam	25/09/1991	9.0	7.5	
172	2	22.02.20.0200	Trần Trọng	Lễ	Nam	25/05/1980	5.0	8.0	
173	3	22.02.20.0201	Đào Phi	Long	Nam	27/01/1991	9.0	7.0	
174	4	22.02.20.0202	Nguyễn Xuân	Long	Nam	26/02/1988	9.0	8.0	
175	5	22.02.20.0203	Nguyễn Tuấn	Ngọc	Nam	11/01/1983	8.5	7.5	
176	6	22.02.20.0204	Nguyễn Hoàng Duy	Thanh	Nam	29/08/1988	8.0	8.0	
177	7	22.02.20.0205	Võ Tất	Thắng	Nam	11/02/1987	5.0	7.5	
178	8	22.02.20.0206	Phạm Thị Tâm	Trinh	Nữ	07/01/1980	8.5	7.0	
179	9	22.02.20.0207	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	21/11/1990	8.0	6.0	

Danh sách gồm 179 học viên./

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp

HIỆU TRƯỞNG